TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 07/2018/HC-PT Ngày 10-01-2018 V/v khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai đối với trường hợp cưỡng chế thu hồi đất.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng An Thanh.

Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Bình.

Ông Đặng Quốc Khởi.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Hoàng Thị Kim Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2018 tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 278/2017/TLPT-HC ngày 12 tháng 9 năm 2017 về khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai đối với trường hợp cưỡng chế thu hồi đất.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2017/HC-ST ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 820/2017/QĐ-PT ngày 20 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Nguyễn Tấn Hồng L, sinh năm: 1956; cư trú tại: phường H, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện (Văn bản ủy quyền ngày 04 tháng 01 năm 2018)*:* Ông Nguyễn Viết Đ, sinh năm: 1957; cư trú tại: phường H, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

- *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P; địa chỉ: thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện (Giấy ủy quyền ngày 03 tháng 4 năm 2017): Ông Trần Minh T; chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân

thành phố P; địa chỉ: thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt và có đơn đề ngày 03 tháng 01 năm 2018 xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Huỳnh Khoa N, sinh năm 1981; địa chỉ: Phường S, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

- *Người kháng cáo:* người khởi kiện là bà Nguyễn Tấn Hồng L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Tấn Hồng L và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Nguyễn Viết Đ trình bày:

Năm 2012, bà Nguyễn Tấn Hồng L nhận được Quyết định số 3024/QĐ-UBND ngày 16/10/2012 của Ủy ban nhân dân (Sau đây viết là UBND) thành phố P thu hồi 428 m^2 đất có nhà ở tại đô thị thuộc thửa đất số 19 tờ bản đồ địa chính số 2 tại phường M, thành phố P để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện quy hoạch khu đô thị mới B thành phố P (Sau đây viết là Khu K1). Bà L được bồi thường theo Quyết định số 1448/QĐ-UBND ngày 06/8/2015 của UBND thành phố P với tổng số tiền bồi thường là: 98.168.178 đồng, giá bồi thường thu hồi đất là 70.000 đồng /m^2 cho đất có nhà ở tại đô thị và không hỗ trợ tái định cư theo quy định của pháp luật. Bà L khiếu nại Quyết định 3024/QĐ-UBND ngày 16/10/2012 của UBND thành phố P liên tục từ đó đến nay nhưng không được UBND thành phố P giải quyết khiếu nại cho bà theo luật định. Đến nay, bà L chưa nhận tiền bồi thường và chưa được nhận hỗ trợ tái định cư của người có đất bị thu hồi.

Việc cưỡng chế thu hồi đất là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà L, vi phạm quy định tại điểm a khoản 5 Điều 71 của Luật Đất đai năm 2013 về trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế thu hồi đất, giải quyết khiếu nại liên quan đến việc cưỡng chế theo quy định của pháp luật về khiếu nại và thực hiện phương án tái định cư trước khi cưỡng chế. Việc thực hiện quy hoạch Khu K1 vi phạm nghiêm trọng quy định tại các Điều 30, khoản 1 Điều 32, điểm a khoản 5 Điều 71 và Điều 83 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 13 Thông tư 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên Môi trường và các điều 19, 20, 22, 23, 24, 25 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Vì vậy, bà L yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận giải quyết: Hủy Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc cưỡng chế thu hồi đất và buộc Ủy ban nhân dân thành phố P bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi thu hồi đất ở đô thị của bà theo quy định pháp luật thời điểm năm 2017.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND Thành phố P ông Trần Minh T có bản trình bày ý kiến ngày 30/5/2017:

Chủ tịch UBND thành phố Pban hành Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 1446/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà

Nguyễn Tấn Hồng L căn cứ điểm d khoản 3 Điều 69, khoản 2 Điều 71 Luật Đất đai năm 2013.

UBND thành phố Pđã ban hành Quyết định số 3024/QĐ – UBND ngày 16/10/2012 về việc thu hồi thửa đất số 19, tờ bản đồ địa chính số 2, diện tích 428 m^2 phường M của hộ bà Nguyễn Tấn Hồng L để bồi thường giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Quy hoạch Khu K1. Sau khi triển khai Quyết định thu hồi đến hộ bà Nguyễn Tấn Hồng L, Trung tâm phát triển quỹ đất Ninh Thuận đã phối hợp với các đơn vị có liên quan, UBND phường M, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam phường M mời hộ bà Nguyễn Tấn Hồng L đến để vận động nhiều lần nhưng hộ bà Nguyễn Tấn Hồng L không đồng ý giao mặt bằng hoặc vắng mặt không lý do.

Trên cơ sở đề nghị của Trung tâm phát triển quỹ đất Ninh Thuận tại Văn bản số 2307/TTPTQĐ – BTGMB ngày 24/12/2015 về việc đề nghị cưỡng chế các hộ để thực hiện quyết định thu hồi đất tại dự án Quy hoạch Khu K1, đề nghị tại Tờ trình số 684/TTr-TNMT ngày 26/5/2016 của phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố sau khi thẩm định hồ sơ, quá trình thu hồi đất, bồi thường, quá trình mời vận động của hộ bà Nguyễn Tấn Hồng L và Báo cáo số 29/BC – UBND ngày 15/3/2016 của UBND phường M về việc vận động hộ bà Nguyễn Tấn Hồng L bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án quy hoạch Khu K1, Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 1446/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà Nguyễn Tấn Hồng L vào ngày 26/5/2016 theo đúng trình tự thủ tục tại các Điều 69, Điều 71, Luật Đất đai năm 2013 và các quy định hiện hành của Nhà nước về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất.

Hộ bà Nguyễn Tấn Hồng L khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 1446/QĐ – UBND ngày 26/5/2016 của UBND thành phố P là không có căn cứ để chấp nhận.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2017/HC-ST ngày 28 tháng 7 năm 2017, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã quyết định:

1. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 164, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 206, Điều 213 Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 69, Điều 71 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Tấn Hồng L về việc:

- Hủy quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc cưỡng chế thu hồi đất;

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi thu hồi đất ở đô thị của bà theo quy định pháp luật của thời điểm năm 2017.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 09 tháng 8 năm 2017, bà L có đơn kháng kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng hủy Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của Chủ tịch UBND thành phố P, buộc UBND thành phố P thực hiện việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà theo quy định pháp luật đất đai hiện hành.

Bà L cho rằng bản án sơ thẩm có vi phạm tố tụng khi không công nhận Biên bản kiểm kê đo đạc hiện trường ngày 07 tháng 9 năm 2010, Biên bản giao Quyết định ngày 16/10/2012 và Biên bản vận động bàn giao mặt bằng ngày 28/7/2015 là chứng cứ của vụ án; các cơ quan có thẩm quyền vi phạm quy định về thủ tục thu hồi đất, các bước triển khai bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho người có đất bị thu hồi, điều kiện cưỡng chế thu hồi đất, cụ thể là: Thông báo thu hồi đất số 43/TB-UBND ngày 14/6/2010, Thông báo số 53/TB-UBND ngày 01/7/2010, Thông báo số 21/TB-UBND ngày 14/3/2011 vi phạm Luật Đất đai năm 2003; UBND đã áp dụng thiếu chính sách hỗ trợ và sai nội dung Phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt, tác động trực tiếp đến quyền và lợi ích của người khởi kiện, đất của bà bị thu hồi nằm trong vùng ưu tiên nhưng không được hỗ trợ đúng; Bà không được tham gia kiểm kê, đo đạc hiện trường; Có vi phạm về thực hiện thủ tục giao quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho người bị thu hồi đất; Có vi phạm về trình tự, thủ tục chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Bà không được tham gia vận động, thuyết phục bàn giao đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện không thay đổi, bổ sung hay rút đơn khởi kiện, không thay đổi, bổ sung hay rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau để giải quyết vụ án. Người bị kiện giữ nguyên Quyết định hành chính bị khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà L trình bày giống như đơn khởi kiện, lời trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm, đơn kháng cáo, đơn bổ sung chứng cứ ngày 07 tháng 10 năm 2017 và khẳng định:

Việc cưỡng chế là vi phạm điểm a khoản 5 Điều 71 Luật Đất đai năm 2013. Việc thu hồi đất khi chưa bồi thường, tái định cư gây thiệt hai cho bà L. Giá bồi thường không phù hợp vì đất ở đô thị mà bồi thường theo giá đất nông nghiệp. UBND phải thực hiện toàn diện Luật Đất đai, phê duyệt cho tư nhân làm kinh tế không phải làm dự án an ninh quốc phòng thì phải bồi thường thỏa đáng. Giá trị đất hàng tỷ đồng mà bồi thường một hai trăm triệu đồng thì không đủ tiền để bà L mua nhà mới. Trên thực tế, các hộ dân kêu cứu, UBND vẫn cưỡng chế, không cho đối thoại. Quy định theo Luật Đất đai không còn hiệu lực mà 01 tháng 4 năm 2014 UBND vẫn áp dụng. Quyết định thu hồi đất và Quyết định bồi thường bà L không khởi kiện vì đã quá thời hiệu khởi kiện.

Đại diện người bị kiện trình bày:

Dự án thuộc danh mục phải thu hồi đất theo đúng quy định tại Điều 10 Luật Đất đai. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và yêu cầu của bà L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên Bản án sơ thẩm vì Quyết định số 3024/QĐ-UBND ngày 16/10/2012 của UBND thành phố P về việc thu hồi đất của hộ bà Nguyễn Tấn Hồng L để bồi thường giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Quy hoạch K1 đã có hiệu lực và hết thời hiệu khởi kiện nên UBND thành phố P ra Quyết định cưỡng chế là có căn cứ, đúng pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Tấn Hồng L khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc cưỡng chế thu hồi đất (Sau đây viết là Quyết định số 1446). Căn cứ khoản 1, 2 và 9 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính thì Quyết định số 1446 là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, còn trong thời hiệu khởi kiện và vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Căn cứ khoản 3 Điều 71 Luật Đất đai năm 2013, Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định số 1446 là đúng thẩm quyền.

[2] Hộ bà L bị thu hồi đất theo Quyết định số 3024/QĐ-UBND ngày 16/10/2012 và được bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định số 3055/QĐ-UBND ngày 16/10/2012, Quyết định số 3178/QĐ-UBND ngày 25/12/2013, Quyết định số 1448/QĐ-UBND ngày 06/8/2015 của UBND thành phố P là các quyết định đã có hiệu lực nhưng hộ bà L không chấp hành, không bàn giao mặt bằng. Trung tâm phát triển quỹ đất phối hợp với UBND thành phố P và UBND phường M, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc phường M, Công ty cổ phần X nhiều lần mời bà Nguyễn Tấn Hồng L đến để nhận tiền bồi thường và vận động bàn giao mặt bằng (ngày 28/7/2015 vận động lần 1, ngày 09/12/2015 vận động thuyết phục bàn giao mặt bằng lần 2) nhưng hộ bà L không nhận tiền và không bàn giao mặt bằng. Trên cơ sở đó, Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định số 1446 để cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà L là đúng trình tự, thủ tục quy định tại điểm d khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013. Hội đồng xét xử sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L đề nghị hủy Quyết định số 1446 là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà L đề nghị sửa bản án sơ thẩm, hủy Quyết định số 1446.

[3] Bà L kháng cáo yêu cầu buộc UBND thành phố P thực hiện việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định của pháp luật hiện hành. Yêu cầu này của bà L không có cơ sở vì UBND thành phố P đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư theo đúng quy định của pháp luật thể hiện qua các văn bản: Quyết định số 3024/QĐ-UBND ngày 16/10/2012 về việc thu hồi đất của hộ bà Nguyễn Tấn Hồng L; Quyết định số 3055/QĐ-UBND ngày 16/10/2012 về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ bà L khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án, với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 375.750.882 đồng (trong đó bồi thường về đất là 29.960.000 đồng; bồi thường về tài sản, vật kiến trúc 232.317.082 đồng; các khoản hỗ trợ là 113.248.800

đồng, bồi thường hoa màu là 225.000 đồng); Quyết định số 3178/QĐ-UBND ngày 25/12/2013 về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung giá đất cho hộ bà Nguyễn Tấn Hồng L, với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung là 14.637.600 đồng; Quyết định số 1448/QĐ-UBND ngày 06/8/2015 về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung nhà ở, vật kiến trúc cho hộ bà Nguyễn Tấn Hồng L, với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung là 98.168.178 đồng. Ngoài ra, theo nội dung tại Văn bản số 2307/TTPTQĐ – BTGMB ngày 24/12/2015 của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Ninh Thuận thì hộ bà L thuộc diện được giao 01 lô đất chuyển đổi nghề tại Quyết định 720/QĐ-UBND ngày 08/3/2012 của UBND Thành phố P. Việc bà L và gia đình không nhận các khoản bồi thường, hỗ trợ không phải là lỗi của UBND thành phố P nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện "Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi thu hồi đất ở đô thị của bà theo quy định pháp luật của thời điểm năm 2017" của bà L là có cơ sở. Bà L không khiếu nại, khởi kiện các Quyết định bồi thường, hỗ trợ. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà L xác định chỉ khởi kiện Quyết định số 1446. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của bà L.

[4] Bà L cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm tố tụng khi không công nhận Biên bản kiểm kê đo đạc hiện trường ngày 07/9/2010, Biên bản giao Quyết định ngày 16/10/2012 và Biên bản vận động bàn giao mặt bằng ngày 28/7/2015 là chứng cứ của vụ án, không chuyển cho cơ quan điều tra xem xét việc giả mạo chứng cứ, bà không được tham gia kiểm kê đo đạc hiện trường. Tuy nhiên, các nội dung này không ảnh hưởng đến việc xem xét tính hợp pháp trong việc ban hành Quyết định số 1446 nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận ý kiến này của bà L.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án bà L khẳng định đã biết về các quyết định thu hồi đất và bồi thường do UBND thành phố P ban hành nên ý kiến của bà L nêu trong đơn kháng cáo là bà không được giao các quyết định và tài liệu từ UBND thành phố P là không có cơ sở chấp nhận.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bà L, ý kiến của bà L tại đơn bổ sung chứng cứ ngày 7 tháng 10 năm 2017 và lời trình bày của bà L cùng ông Đ tại phiên tòa phúc thẩm.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên được chấp nhận.

[8] Do không được chấp nhận kháng cáo nên bà Nguyễn Tấn Hồng L phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo theo quy định tại khoản 1 Điều 349 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Tấn Hồng L, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2017/HC-ST ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 164, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 206, Điều 213 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 69, Điều 71 Luật Đất đai năm 2013;

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Tấn Hồng L về việc hủy quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc cưỡng chế thu hồi đất.

Không chấp nhận cầu khởi kiện của bà Nguyễn Tấn Hồng L về việc buộc Ủy ban nhân dân thành phố P bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi thu hồi đất ở đô thị của bà theo quy định pháp luật của thời điểm năm 2017.

Bả Nguyễn Tấn Hồng L phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hành chính phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013798 ngày 14 tháng 8 năm 2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận;
- Những người tham gia tố tụng (3);
- Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận;
- Lưu VP (3), hồ sơ vụ án (1), HTKN, 13.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng An Thanh